TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2023/HC - PT

Ngày: 20/9/2023

V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Phạm Ngọc Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ hành chính thụ lý số 139/2023/TLPT-HC *ngày 27 tháng 6 năm 2023*về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăkbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3187/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Bùi Đình T; Địa chỉ: 2 N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Tạ Quang T1 - Luật sư Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B; Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T2, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B: Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt.

2. Trường Chính trị tỉnh Đ; Địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Bùi Đình T ***trình bày:***

Vào năm 1980, gia đình chúng tôi vào Đắk Lắk sinh sống,có khai hoang phần diện tích đất khoảng hơn 1.000m^2 đất tại xã E, Thị xã B để sản xuất nông nghiệp nhằm cải thiện đời sống. Hiện nay, phần diện tích đất này được gia đình chúng tôi quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp.

Ngày 31/8/2018, U ban hành Quyết định số 5596/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ..

Ngày 31/8/2018, U.Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND, v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ..

Theo quyết định này, U xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của gia đình tôi thuộc diện không đủ điều kiện bồi thường.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên gia đình tôi có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 31/8/2018, của UBND Tp.Buôn Ma T3.

Ngày 24/9/2021, U ban hành Kết luận số 03/KL- UBND, V/v Kết luận thanh tra nguồn gốc đất một số hộ dân tại khu đất Trường H (cũ) phường E, Tp ..

Ngày 09/03/2022, U ban hành Quyết định số 1476/QĐ- UBND, v/v phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp B.

Theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND, U vẫn xác định toàn bộ phần diện tích đất của gia đình tôi bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ 80% giá trị đất.

Do không đồng ý với Quyết định 1476/QĐ-UBND, chúng tôi đã có đơn khiếu nại. Trong khi chưa được giải quyết khiếu nại thì U đã tiến hành cưỡng chế đối với chúng tôi.

Tôi nhận thấy rằng, khi chúng tôi khiếu nại Quyết định số 5623/QĐ-UB, ngày 31/8/2018, U đã tiến hành thanh tra, xác minh lại nguồn gốc đất (Kết luận số 03/KL-UBND, ngày 24/9/2021), sau đó ban hành Quyết định số 1476/QĐ-UB, ngày 09/03/2022, của U, v/v phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp B, nhưng vẫn xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của chúng tôi không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ hỗ trợ 80% giá trị là không thỏa đáng, không đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của chúng tôi, bởi lý do sau:

+ Toàn bộ diện tích đất chúng tôi đang quản lý sử dụng là do gia đình chúng tôi khai hoang từ năm 1980 để sản xuất nông nghiệp, gia đình chúng tôi quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp.

+ Quá trình khiếu nại vụ việc, gia đình chúng tôi biết được rằng, năm 1999, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 228/QĐUB, v/v thu hồi 48.720m^2 đất của Trường H và giao 30.680m^2 cho U quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ đang canh tác (bao gồm toàn bộ phần diện tích đất gia đình chúng tôi đang quản lý sử dụng). Tuy nhiên, từ trước đến nay, không hề có bất kỳ một văn bản nào thể hiện việc Nhà nước đã giao phần diện tích đất này cho T4 Chính trị tỉnh quản lý sử dụng cả. Hơn nữa, Quyết định số 228/QĐ-UB cũng không được tống đạt cho gia đình chúng tôi để chúng tôi biết nhằm thực hiện quyền công dân của mình.

Mặt khác, nội dung của Quyết định 228/QĐ-UB thể hiện: Giao 30.680m^2 đất cho U quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ dân hiện đang canh tác trong khu đất. Điều này chứng tỏ, UBND tỉnh Đ đã xác định 30.680m^2 đất này thuộc quyền sử dụng của các hộ dân đang canh tác trên đó, U chỉ thực hiện quản lý về mặt Nhà nước của chính quyền địa phương trong quản lý đất đai theo sự phân cấp, phân quyền chứ không phải được giao quyền sử dụng.

Điều này cũng được thể hiện bằng việc một số hộ dân đang sử dụng đất trong khu vực này có nguồn gốc như gia đình chúng tôi (như hộ bà Trần Thị A ông Lê Đình H1) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người khác và họ đều được bồi thường khi bị thu hồi đất.

Gia đình chúng tôi cũng đã khiếu nại về vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì U xác định: Việc cấp giấy CNQSD đất trên là đúng quy định pháp luật, còn các hộ dân khác là do không hoàn thiện được hồ sơ nên không được cấp (Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 09/7/2018). Điều này chứng tỏ gia đình chúng tôi chỉ thiếu thủ tục hành chính để được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất chứ đây không phải là căn cứ để xác định đất của chúng tôi không đủ điều kiện để được bồi thường.

Tóm lại, với nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phần diện tích đất của chúng tôi như trình bày ở trên, thì việc U xác định diện tích đất gia đình chúng tôi đang sử dụng không đủ điều kiện để bồi thường khi bị thu hồi đất là không thỏa đáng và không đúng quy định của pháp luật.

Do đó tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để hủy:

+ Một phần Quyết định số 5623/QĐ-UBND, ngày 31/8/2018, của U, v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án: Xây dnựg cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .;

+ Một phần Quyết định số 1476/QĐ-UBND, ngày 09/03/2022, của U, v/v phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .;

+ Buộc U ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án: Xây dnựg cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ., theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất gia đình chúng tôi đang sử dụng đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi, và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Đình T *ông* Tạ Quang T1 *trình bày:* Đất của ông T bị thu hồi là đất khai hoang, gia đình ông T sử dụng ổn định từ năm 1980 cho đến nay không tranh chấp nên có căn cứ để xác định đất của ông Bùi Đình T đủ điều kiện để được bồi thường. Nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Người khởi kiện ông Bùi Đình T tại phiên tòa trình bày bổ sung: Thống nhất với lời trình bày của ông Tạ Quang T1, ông T đề nghị thành phố B cấp cho gia đình ông một lô tái định cư.

2. Tại bản tự khai ông Lê Đại T2 - *Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện* UBND thành phố B *trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 6462/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường hành chính cũ, phường E, thành phố B; Quyết định số 3651/QĐ-UBND của UBND thành phố B ngày 20/7/2015 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B; Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B.

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B; Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đ về việc điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/1/2017; Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 12/1/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hệ số điều chỉnh giá để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B.

Về nguồn gốc đất: Năm 1984 trường Hành chính tỉnh Đ (cũ) lập hợp đồng kinh tế về việc liên kết trồng cây cà phê với ông Bùi Đình T. Tại Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 01/02/1999 của UBND tỉnh Đ thu hồi 48.720m^2 đất của trường Chính trị tỉnh Đ (đất của trường H cũ) và giao 30.680m^2 cho UBND thành phố B quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ hiện đang canh tác trong khu đất theo quy định hiện hành của Nhà nước. Toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của ông Bùi Đình T nằm trong phần diện tích 30.680 m^2 đất tại Quyết định số 288/QĐ-UB. Căn cứ Điều 82 Luật đất đai 2013 thì phần diện tích đất thu hồi trên không đủ điều kiện bồi thường.

Từ các căn cứ nêu trên, ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 03/KL-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố B về việc thanh tra nguồn gốc đất một số hộ dân tại khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Công văn số 13003/UBND-NNMT ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Đ về việc xử lý nội dung báo cáo số 520/BC/STNMT ngày 22/12/2021 của Sở T5.

Ngày 09/03/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1476/QĐ-UBND về việc về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành phố B.

Việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 và Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 về việc phê duyệt và phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường Hành chính cũ, phường E, thành

phố B là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Toà án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Đình T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B *ông* Võ Quang H *trình bày*: Đất thu hồi của ông Bùi Đình T là đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Trường Hành chính tỉnh Đ (cũ), ông T liên kết với T4 theo quy định của pháp luật thì ông Bùi Đình T chỉ được hỗ trợ chứ không được bồi thường nên đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của ông T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật đất đai 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ. tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Đình T về yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, thành phố B.

- Hủy một phần Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, thành phố B.

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, thành phố B theo hướng xác định toàn bộ diện tích đất của gia đình chúng tôi đang sử dụng đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2023, Tòa án sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Đình T. Kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

ông và buộc UBND tp B thực hiện việc kiểm đếm đầy đủ tài sản, cây trồng và công trình trên đất để bồi thường thỏa đáng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Lý do: không đưa UBND tỉnh Đ vào tham gia tố tụng, không xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ diện tích đất của ông T có nằm trong diện tích đất của T4 Chính trị hay không, hộ ông có trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp không. Những thiếu sót đó cấp phúc thẩm không khắc phục được, xâm phạm quyền và lợi ích của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:**

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Các thủ tục tố tụng khác:

Toàn bộ tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp đều bản pho to vi phạm khoản 1 Điều 82 Luật tố tụng Hành chính.

Tòa án không thực hiện vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, quy định tại khoản 5 Điều 61 Luật tố tụng Hành chính.

T4 Chính trị tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không chấp hành nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 58 của Luật Tố tụng Hành chính, không tham gia các phiên họp, phiên tòa và không có bản tự khai trình bày nghĩa vụ liên quan của T4.

[2] **Nội dung**:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 56, phường E, tp .:

Theo lời khai của ông Bùi Đình T thì diện tích khoảng hơn 1000 m^2 của thửa đất trên là do gia đình ông khai hoang từ năm 1980, đã quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp.

Người bị kiện khai rằng: nguồn gốc thửa đất nêu trên là do năm 1984 Trường hành chính tỉnh lập hợp đồng kinh tế về việc liên kết trồng cây cà phê với ông Bùi Đình T. Ngày 01/02/1999, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số

228/QĐ-UB (viết tắt Quyết định 228) thu hồi 48.720m^2 đất của T4 Chính trị tỉnh và giao 30.680 m^2 cho UBND tp. B quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ đang canh tác trong khu đất theo quy định, trong đó diện tích thửa đất của ông Bùi Đình T.

[2.2] Theo đoạn hai của mục [2.1] thì UBND tỉnh Đ là cơ quan có thu hồi đất của T4 Chính trị; vậy cơ quan có thẩm quyền giao đất cho T4 Hành chính cũ là ai? Trong diện tích đất của Trường H (nay là T4 Chính trị) được giao có diện tích đất của ông Bùi Đình T đang sử dụng hay không? Tại Quyết định 228 thể hiện nội dung: UBND tỉnh giao 30.680 m^2 đất cho UBND thành phố B quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ hiện đang canh tác trong khu đất (trong đó có hộ ông T) theo quy định hiện hành, có đồng thời là cơ quan quản lý sử dụng đất hay không? Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND tỉnh Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Người bị kiện cho rằng đất thu hồi của ông Bùi Đình T là đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho T4 Chính trị tỉnh Đắk Lắk, T4 Chính trị lập hợp đồng kinh tế liên kết trồng cây cà phê với ông T nhưng quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có hay không việc lập hợp đồng kinh tế liên kết trồng cà phê giữa T4 với ông Bùi Đình T.

[2.3] Tòa án sơ thẩm không thu thập chứng cứ thể hiện các căn cứ để xác định hộ ông Bùi Đình T là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Thông tư 33/2017/TT-BTNMT về hướng dẫn Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai do Bộ trưởng Bộ T6 ban hành.

[3] Những vi phạm tố tụng như phân tích trên của cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm hủy Bản án số: 71/2023/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: người khởi kiện kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí: ông Bùi Đình T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung